

Bản án số: 12/2018/HSST

Ngày: 07/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Đạt

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Quang Học

2. Ông: Nguyễn Văn Tòng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Cúc – Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 2 năm 2018 tại Hội trường xét xử TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/HSST ngày 16/01/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX- ST, ngày 23/01/2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN NGỌC TH - Sinh ngày 26/3/1987; Nơi sinh: Xã T TR, huyện TG, TH; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, Xã T TR, huyện TG; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Nguyễn Ngọc T - đã chết ; Con bà: Lê Thị Th - sinh năm 1952; Họ tên vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11 đến ngày 27/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt

2. LÊ DUY TH - Sinh ngày 08/7/1986; Nơi sinh: Xã T TR, huyện TG, TH; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Phúc, Xã T TR, huyện TG; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch : Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Lê Duy N - sinh năm 1962; Con bà: Nguyễn Thị KH - sinh năm 1961; Họ tên vợ: Đường Thị T - sinh năm 1987; 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11 đến ngày 27/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt

3. TH - Sinh ngày 10/3/1984; Nơi sinh: Xã T TR, huyện TG, TH; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, Xã T TR, huyện TG; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Lê Công L - sinh năm 1948 là thương binh hạng 3/4; Con bà: Lê Thị

L - sinh năm 1952; Họ tên vợ: Trần Thị T - sinh năm 1991; Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11 đến ngày 27/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

4. TRẦN HỮU H - Sinh ngày 10/7/1982; Nơi sinh: Xã T TR, huyện TG, TH; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, Xã T TR, huyện TG; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông: Trần Hữu V - sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị B - sinh năm 1958; Họ tên vợ: Nguyễn Thị M - sinh năm 1985; Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11 đến ngày 27/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

5. LƯƠNG VĂN D - Sinh ngày 08/4/1964; Nơi sinh: Xã T TR, huyện TG, TH; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Thôn 12, Xã T TR, huyện TG; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/10; Con ông: Lương Văn M - sinh năm 1943 và Con bà: Nguyễn Thị Y - sinh năm 1938; Họ tên vợ: Trần Thị Th - sinh năm 1964; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11 đến ngày 27/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

6. TRẦN HỮU M - Sinh ngày 10/10/1986; Nơi sinh: Xã T TR, huyện TG, TH; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, Xã T TR, huyện TG; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Trần Hữu B - sinh năm 1960; Con bà: Đậu Thị B - sinh năm 1963; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11 đến ngày 27/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

*** Người làm chứng:** Nguyễn Ngọc Ph – Sinh năm 1984

- Lê Văn Th – Sinh năm 1991

- HKTT: Xã T TR, huyện TG, TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09h00' ngày 21/11/2017, Trần Hữu H, Nguyễn Ngọc TH, TH và Lê Duy Th đến nhà bà Lê Thị Th chơi. Tại đây TH có rủ mọi người chơi bài Tiến lên miền nam ăn tiền, ai về nhất thì ăn cả nhì thua 20.000đ, ba thua 40.000đ về cuối thua 60.000đ. Nghe TH nói vậy thì mọi người đồng ý. TH lấy bộ bài tulokho trên bàn nhà bà Thương để chơi. Chơi đến 11h30' thì có Lương Văn D đến và tham gia chơi. Do có 5 người nên các bị cáo chuyển sang hình TH đánh liêng ăn tiền, đóng tẩy 10.000đ, ván chào tố cao nhất 200.000đ, ván thường tố cáo nhất 100.000đ. Khi chơi được 10' thì có Trần Hữu M đến và tham gia chơi. Các bị cáo chơi đến 12h00' cùng ngày thì bị

công an huyện Tĩnh Gia phát hiện và bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc là 8.390.000đ và 01 bộ bài tulokho 52 cây.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận số tiền mang theo đánh bạc của từng người như sau; Nguyễn Ngọc TH 1.220.000đ; Lê Duy Th 1.700.000đ; TH 1.350.000đ; Trần Hữu H 1.300.000đ; Lường Văn D 1.620.000đ và Trần Hữu M 1.200.000đ.

Đối với bà Lê Thị Th do không biết các bị cáo đánh bạc trong nhà mình nên không đủ căn cứ để chịu trách nhiệm hình sự.

Bản cáo trạng số 15 /CT-VKS ngày 15/01/2018 của VKSND huyện Tĩnh Gia đã truy tố Nguyễn Ngọc TH & Đồng phạm về tội: “Đánh bạc”

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng mà VKS ND huyện Tĩnh Gia truy tố các bị cáo.

Tại phiên tòa VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 31BLHS năm 1999.

- Xử phạt: Nguyễn Ngọc TH từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ được trừ 6 ngày tạm giữ.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; và Điều 30BLHS năm 1999. Bị cáo TH được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Xử phạt: TH, Lê Duy Th và Trần Hữu H mỗi bị cáo từ 07 đến 08 triệu xung quỹ.

+ Lường Văn D và Trần Hữu M mỗi bị cáo từ 05 đến 06 triệu xung quỹ.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của BLHS năm 1999 và Điều 106 BLTTHS năm 2015. Tịch thu xung công số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.390.000đ và tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tulokho.

- Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận TH được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Phân tích tính H pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 09h00' ngày 21/11/2017, tại gia đình nhà bà Lê Thị Thông, Nguyễn Ngọc TH, Lê Duy Th, Lương Văn D, Trần Hữu M, Trần Hữu H và TH đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình TH đánh bài Tiến lên miền nam và đánh liêng ăn tiền. Các bị cáo đánh đến khoảng 12h00' cùng ngày thì bị Công an huyện Tĩnh Gia phát hiện và bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc 8.390.000đ và 01 bộ bài tulokho. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và cần xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận TH được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Vì vậy VKS ND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999 là đúng theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án:

Hiện nay trên địa bàn huyện Tĩnh Gia xảy ra rất nhiều các tệ nạn xã hội. Trong đó tệ nạn đánh bạc trái phép diễn ra ngày càng phức tạp dưới nhiều hình TH đánh khác nhau, làm mất trật tự an ninh xã hội, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của nhân dân, ảnh hưởng đến tư tưởng đạo đức của quần chúng nhân dân. Do vậy các lực lượng phòng chống tội phạm đã quyết tâm truy quét tệ nạn lô đề trên địa bàn cũng như tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về tác hại của tệ nạn đánh bạc gây ra. Hành vi của các bị cáo đã ảnh hưởng đến an ninh trật tự an ninh nông thôn và ảnh hưởng đến địa bàn huyện Tĩnh Gia nói chung, vì cờ bạc, lô đề mà gây nên nhiều loại tội phạm khác như trộm cắp, cưỡng đoạt tài sản... Do vậy cần phải lên cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra.

[4]. Xét về hành vi, vai trò và nhân thân của các bị cáo thấy:

Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có người chủ mưu cầm đầu mà đều đồng tình thực hiện hành vi đánh bạc nên cần áp dụng Điều 20 và 53 của BLHS năm 1999 và cần căn cứ vào hành vi và số tiền của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc để phân hóa vai trò và lên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc TH tuy không phải là người chủ mưu cầm đầu nhưng bị cáo lại là người khởi xướng ra việc đánh bạc nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo TH, Lê Duy Th và Trần Hữu H là ba vị cáo tham gia đánh bạc cùng với TH ngay từ đầu sau đó Lương Văn D và Trần Hữu M mới đến

tham gia chơi cùng nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn TH nhưng cao hơn hai bị cáo Lương Văn D và Trần Hữu M.

[5]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Phạm tội lần đầu, thuộc trường H ít nghiêm trọng, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo đều thật thà, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999. Riêng bị cáo TH có bổ là thương binh nên được hưởng thêm khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc TH tuy là người khởi xướng ra việc đánh bạc nhưng hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất giản đơn, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc không nhiều do vậy nghĩ chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 của BLHS năm 1999 cũng đủ để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa bị cáo khai có mức thu nhập 04 triệu /tháng, đây là căn cứ để khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Các bị cáo còn lại đều có nơi cư trú ổn định, đã nhận TH được về hành vi phạm tội của mình nên nghĩ chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù mà cho các bị cáo được áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Điều 30 của BLHS năm 1999 cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Xét về vật chứng:

Số tiền 8.390.000đ các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu xung công. Cần tịch thu tiêu hủy bộ bài tulokho 52 cây.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 248; Điều 20; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 và Điều 31 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc TH

+ Khoản 1 Điều 248; Điều 20; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 và Điều 30 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo còn lại (bị cáo TH được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999).

- **Tuyên bố:** Nguyễn Ngọc TH, Trần Hữu H, TH, Lê Duy Th, Lương Văn D và Trần Hữu M phạm tội “Đánh bạc”

- **Xử phạt:** Nguyễn Ngọc TH **06** tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 06 ngày tạm giữ x 3 ngày = 18 ngày còn phải chấp hành 05 tháng 12 ngày.

+ Khấu trừ thu nhập của bị cáo: 06 tháng x 04 triệu x 10% = 2.400.000đ xung quỹ Nhà nước.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND Xã T TR, huyện TG nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho chính quyền

địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Trường H bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

+ TH, Lê Duy Th và Trần Hữu H mỗi bị cáo 06 triệu xung quỹ Nhà nước.

+ Lường Văn D và Trần Hữu M mỗi bị cáo 05 triệu xung quỹ Nhà nước.

- **Về vật chứng: Áp dụng:** Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS năm 2015. Tịch thu xung công số tiền: 8.390.000đ; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tulokho 52. Cả hai hiện đang được nhập kho chi cục THADS huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK2018/28 ngày 17/01/2018

- **Án phí :** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án.

- Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí HSST.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và 333 BL TTHS năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường H bản án được thi hành tại Điều 2 Luật THA dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật THA dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Đạt